

Bản án số: 220/2024/HS-ST

Ngày: 25 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Tân

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 208/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Vũ Văn T, sinh năm: 2000, tại Nam Định; Nơi đăng ký thường trú: Thôn Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Nguyễn P, sinh năm: 1975 (*Có mặt*)

Đăng ký thường trú: Xóm I, thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi

*** Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1976 (*Có mặt*)

Đăng ký thường trú: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 28/5/2024, ông Nguyễn P, sinh năm 1975, thường trú tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi đến nhà bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976, ngụ tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai để nói chuyện với bà K do hai người đang có mâu thuẫn trong tình cảm. Khi đến nhà bà K, ông P ở trước cổng gọi và điện thoại cho bà K nhiều lần nhưng không ai trả lời, sau đó ông P lấy bia mang theo ngồi trước nhà bà K để uống. Đến 15 giờ cùng ngày, ông P dùng tay mở cổng nhà bà K đi vào sân nhà, sau đó liên tục gọi to tên bà K, thấy vậy bà K đang ở trong nhà bực tức cãi nhau với ông P. Thấy bà K ở trong nhà nên ông P ngồi xuống nền gạch men trước cửa nhà bà K, đưa mặt vào ô cửa phía bên trái cửa chính (cửa kính đã bị vỡ hết chỉ còn lại khung sắt) và liên tục dùng lời lẽ đe dọa xúc phạm bà K. Do bực tức ông P đến nhà kiểm chuyện chửi bà K nên Vũ Văn T (con ruột bà K) chạy xuống bếp lấy 01 con dao dài khoảng 31 cm, cán gỗ (là loại dao dùng trong sinh hoạt) chém 02 cái vào mặt ông P khi ông P đang đưa mặt vào ô cửa gây thương tích tại vùng trán, mũi và môi của ông P.

Hậu quả: Ông Nguyễn P bị một vết thương ở vùng trán cung mày phải, một vết thương môi trên lệch trái, một vết thương từ gốc mũi đến cánh mũi trái.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 3309/KLTTCT-C09B, ngày 04/6/2024 của Phân viện khoa học hình sự Thành phố H, đối với Nguyễn P, kết luận:

Các kết quả chính:

- Vết thương vùng trán phải kích thước trung bình, bờ gọn.
- Vết thương vùng mũi kích thước trung bình, bờ gọn.
- Vết thương vùng môi trên bên trái kích thước nhỏ, bờ gọn.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn P tại thời điểm giám định là: 14% (Mười bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Kết luận khác:

- Phân tích tỷ lệ từng tổn thương:
 - +) Vết thương vùng mũi kích thước trung bình: 06% (Chương 8, Mục I.2, Vết thương phần mềm vùng mặt).
 - +) Vết thương vùng mũi kích thước trung bình: 06% (Chương 8, Mục I.2, Vết thương phần mềm vùng mặt).
 - +) Vết thương vùng môi trên bên trái kích thước nhỏ: 03% (Chương 8, Mục I.1, Vết thương phần mềm vùng mặt).
- Các vết thương vùng mặt của ông Nguyễn P có đặc điểm phù hợp do vật sắc

tác động gây ra.

- Thương tích của ông Nguyễn P đang trong quá trình điều trị, chưa thể đánh giá đầy đủ mức độ tổn thương và di chứng để lại. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đưa ông Nguyễn P đi giám định bổ sung sau khi đã điều trị ổn định và xuất viện.

* Tại Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số: 4347/KLTTCT-C09B, ngày 30/7/2024 của Phân viện khoa học hình sự Thành phố H, đối với Nguyễn P, kết luận:

Các kết quả chính:

- Vết thương vùng trán phải kích thước trung bình, bờ gọn.
- Vết thương vùng mũi kích thước trung bình, bờ gọn.
- Vết thương vùng môi trên bên trái kích thước nhỏ, bờ gọn.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn P tại thời điểm giám định là: 14% (Mười bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Kết luận khác:

- Phân tích tỷ lệ từng tổn thương:
 - +) Vết thương vùng mũi kích thước trung bình: 06% (Chương 8, Mục I.2, Vết thương phần mềm vùng mặt).
 - +) Vết thương vùng mũi kích thước trung bình: 06% (Chương 8, Mục I.2, Vết thương phần mềm vùng mặt).
 - +) Vết thương vùng môi trên bên trái kích thước nhỏ: 03% (Chương 8, Mục I.1, Vết thương phần mềm vùng mặt).

- Thương tích của ông Nguyễn P không gây nguy hiểm đến tính mạng.

* Vật chứng vụ án: 01 con dao cán gỗ dài 31 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 19 cm bản rộng 06 cm (là loại dao dùng trong sinh hoạt).

* Trách nhiệm dân sự: Vũ Văn T đã tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn P số tiền 20.000.000 đồng là chi phí điều trị thương tích và tổn thất tinh thần, ông Nguyễn P đã nhận đủ số tiền trên có đơn bãi nại và cam kết không thắc mắc khiếu nại, khiếu kiện gì.

Tại bản Cáo trạng số: 204/CT-VKS-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội: “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo bản cáo trạng và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T về tội: “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình

sự. Tình tiết tăng nặng: không có. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn P xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Vũ Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện: Do mâu thuẫn trong sinh hoạt, vào khoảng 15 giờ ngày 28/5/2024, tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Vũ Văn T đã có hành vi dùng 01 con dao cán gỗ dài 31 cm gây thương tích cho ông Nguyễn P với tỷ lệ thương tích là 14% (mười bốn phần trăm). Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại; bị hại có đơn bãi nại và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có học vấn thấp nên nhân thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì mâu thuẫn trong sinh hoạt mà bị cáo có hành vi gây thương tích cho ông P. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự xã hội tại địa

phương. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn không xuất phát từ bị cáo mà xuất phát từ việc bị hại ông Nguyễn P đến nhà kiểm chuyện chửi mẹ của bị cáo; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: các đương sự không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 con dao cán gỗ dài 31 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 19 cm bản rộng 06 cm (là loại dao dùng trong sinh hoạt) là hung khí bị cáo sử dụng để gây thương tích cho bị hại nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017),

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt: bị cáo Vũ Văn T **01 (một)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao cán gỗ dài 31 cm, lưỡi dao sài 19 cm bản rộng 06 cm (là loại dao dùng trong sinh hoạt).

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/10/2024)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND. T.Đồng Nai;
- VKSND T.Đồng Nai;
- Sở Tư pháp T.Đồng Nai;
- Công an H.Xuân Lộc;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục THADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương